TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 93/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2022
V/v ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2022/QĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lâm Thị Ng**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khóm 2, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Khóm 2, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Ng trình bày: Năm 1990, bà Lâm Thị Ng và ông Nguyễn Văn U tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân thị trấn G (nay là thị xã G) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/9/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông U không chung thủy và mâu thuẫn

càng gay gắt nên bà Ng và ông U thống nhất làm "Tờ thỏa thuận ly hôn" được Ủy ban nhân dân thị trấn G (nay là thị xã G) xác nhận ngày 28/11/2013, kể từ ngày thỏa thuận ly hôn thì bà Ng và ông U đã không còn chung sống cho đến nay. Nay xét thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên bà Ng xin ly hôn với ông U.

Bà Ng và ông U chung sống có 03 con chung là Nguyễn U1, sinh ngày 16/7/1995, Nguyễn U3, sinh ngày 28/3/2000 và Nguyễn U2, sinh ngày 05/05/2005. Khi ly hôn, bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu U3, không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu U1 và cháu U2 hiện nay đều trên 18 tuổi, đủ tuổi trưởng thành, thể chất và tin thần phát triển bình thường, có khả năng tự nuôi sống bản thân nên bà Ng không yêu cầu giải quyết. Trong thời gian bà Ng và ông U chung sống cũng có tài sản chung, nhưng bà Ng xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, bà Ng xác định vợ chồng chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị Ng, cho bà Ng ly hôn với ông Nguyễn Văn U. Giao con chung tên Nguyễn U3, sinh ngày 05/05/2005 cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng, đối với con chung là Nguyễn U1, sinh ngày 16/7/1995, Nguyễn U2, sinh ngày 28/3/2000 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Về tài tài sản chung, bà Ng không yêu cầu giải quyết và ông U cũng không trình bày ý kiến hay yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn bà Lâm Thị Ng và bị đơn ông Nguyễn Văn U. Bị đơn ông U đang cư trú tại Khóm 2, Phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về các phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với ông Nguyễn Văn U, nhưng ông U đều vắng mặt không rõ lý do. Ông U đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà Ng và ông U theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Năm 1990, bà bà Lâm Thị Ng và ông Nguyễn Văn U tự nguyện chung số vợ chồng, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G (nay là thị xã G) ngày 22/9/2003, nên hôn nhân của bà Ng và ông U là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà Ng xác định vợ chồng chung sống xảy ra mâu thuẫn do ông U không chung thủy, mâu thuẫn gay gắt nên bà Ng và ông U làm tờ thỏa thuận ly hôn được Ủy ban nhân dân trị trấn G (nay là thị xã G) xác nhận ngày 28/11/2013. Mặc khác, theo Biên bản xác minh ngày 25/7/2022, chính quyền địa phương xác định bà Ng và ông U là vợ chồng, nhưng vì mâu thuẫn gia đình nên bà Ng và ông U đã thỏa thuận ly hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã G năm 2013 và đã không còn chung sống từ năm 2013 đến nay, bà Ng và ông U có 03 con chung, 02 người con lớn đã trưởng thành còn người con nhỏ nhất đang sống cùng bà Ng. Như vậy, sự việc bà Ng và ông U chung sống xảy ra mâu thuẫn dẫn đến thỏa thuận ly hôn tại địa phương và đã không còn chung sống từ năm 2013 là đúng sự thật, phù hợp với lời khai của bà Ng cũng như tài liệu chứng cứ bà Ng cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Ng và ông U đã mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn, vợ chồng không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho bà Ng được ly hôn với ông U là phù hợp.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Lâm Thị Ng xác định vợ chồng chung sống có 03 con chung là Nguyễn U1, sinh ngày 16/7/1995, Nguyễn U2, sinh ngày 28/3/2000 và Nguyễn U3, sinh ngày 05/05/2005. Hội đồng xét xử xét thấy, con chung là U1 và U2 hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành, bà Ng không yêu cầu giải quyết và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông U về việc giải quyết đối với con chung, nên không xem xét, giải quyết. Đối với con chung là U3, hiện đang sống với bà Ng và cháu U3 có ý kiến muốn sống chung với bà Ng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu U3 được ổn định và theo nguyện vọng của cháu thì cần giao cháu cho bà Ng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, bà Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung bà Ng không yêu cầu giải quyết

và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông U về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về nợ chung bà Ng xác định không có nợ chung và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của ông U về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lâm Thị Ng là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lâm Thị Ng đối với ông Nguyễn Văn U. Cho bà Lâm Thị Ng được ly hôn ông Nguyễn Văn U.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn U3, sinh ngày 05/05/2005 cho bà Lâm Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Ng không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Nguyễn U1, sinh ngày 16/7/1995, Nguyễn U2, sinh ngày 28/3/2000 hiện nay đều đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Ng không yêu cầu giải quyết và ông Nguyễn Văn U cũng không có ý kiến yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lâm Thị Ng xác định không có nợ chung và ông Nguyễn Văn U cũng không có ý kiến yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Ng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0004156 ngày 13/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tx. G;
- Chi cục THADS Tx. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt